

QUÁ TRÌNH THAM GIA CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP TRÊN LĨNH VỰC QUÂN SỰ CỦA ĐẠI TƯỚNG NGUYỄN CHÍ THANH (1914 - 1967)

Nguyễn Văn Đăng, Phạm Ngọc Bảo Liêm

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nvdang2101@gmail.com, pnbliem@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/11/2022; ngày hoàn thành phản biện: 6/12/2022; ngày duyệt đăng: 20/12/2022

TÓM TẮT

Sinh ra trong một gia đình nông dân, trong dòng họ nổi tiếng ở một làng ven đô Huế có truyền thống hiếu học, khoa bảng và làm quan, có truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất đã góp phần định hình, sản sinh ra tính cách, ý chí kiên cường và tư tưởng cách mạng ở người thanh niên Nguyễn Vĩnh - Nguyễn Chí Thanh. Ông sớm tham gia cách mạng (20 tuổi) và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 7-1937 (lúc 23 tuổi). Trên cương vị lãnh đạo ở chiến trường miền Trung, ông đã kịp thời định hướng tư tưởng và chỉ đạo quân, dân miền Trung kiên quyết bám đất, bám làng xây dựng cơ sở cách mạng, đẩy mạnh phát triển chiến tranh du kích. Ông khẳng định: *mất đất nhưng chưa mất nước, có lòng tin, có dân là có tất cả*. Trên lĩnh vực quân sự, Đại tướng có công lao to lớn trong xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị, phát triển đường lối quân sự, nghệ thuật quân sự, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, kiên quyết giữ vững thế tiến công, xây dựng lực lượng, cách đánh "gần", trở thành một tướng lĩnh lừng danh trên chiến trường đánh Mỹ.

Từ khóa: Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, lĩnh vực quân sự, cách mạng Việt Nam.

1. QUÁ TRÌNH THAM GIA CÁCH MẠNG CỦA VỊ "ĐẠI TƯỚNG NHÂN DÂN" NGUYỄN CHÍ THANH

1.1. Một số nhân tố ảnh hưởng đến quá trình tham gia cách mạng của Nguyễn Vĩnh

Sinh ra trong một gia đình nông dân, ở một làng ven đô Huế có truyền thống hiếu học, khoa bảng và làm quan nổi tiếng, có truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất đã góp phần định hình, sản sinh ra tính cách, ý chí và tư tưởng cách mạng nơi người con của quê hương Niêm Phò là Đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

Từ khi lập làng giữa thế kỷ XVI, với truyền thống đoàn kết lao động sáng tạo, dân làng Niêm Phò (tên dân gian là Kè Lừ), xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền đã chung sức biến vùng đầm lầy nước đọng thành làng quê trù phú. Từ trong truyền thống lao động, hiếu học khoa bảng, làng quê Niêm Phò đã sản sinh ra vị Đại tướng lỗi lạc trong thời đại thời đại Hồ Chí Minh, có nhiều cống hiến về chính trị - quân sự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc.

Dòng họ Nguyễn Công của Nguyễn Chí Thanh trong suốt quá trình tồn tại và phát triển đã đúc kết thành truyền thống hiếu học, trọng nghĩa khinh tài, yêu nước chống ngoại xâm. Những nhân vật trong họ được tiếp thu nền giáo dục cựu học (Nho học) và tân học như cụ Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, Linh mục Nguyễn Văn Thích, dịch giả Nguyễn Hy Xước, Kỹ sư Nguyễn Hy Hiền đã góp phần hình thành nề nếp trọng nghĩa, khinh tài, sống một cuộc đời có ích cho mọi người, cho xã hội ở Nguyễn Vịnh.

Bên ngoài của Đại tướng là dòng họ Trần khai canh, một dòng họ có vai vế lớn trong làng. Cuối thế kỷ XIX, dòng họ này xuất hiện “tam kiệt”: Phó bảng Trần Bá Soạn, Thượng thư Trần Trọng Nhuận, danh nhân chống Pháp Trần Thúc Nhẫn đã ảnh hưởng đến cốt cách yêu nước, sẵn sàng xả thân vì nghiệp lớn trong con người Nguyễn Chí Thanh. Truyền thống gia tộc đó cũng đã ảnh hưởng đến phẩm hạnh, đức hy sinh vì chồng con của bà Thiển¹ và chắc chắn cũng đã là nền tảng cho sự chịu khó, tận tụy với công việc và sự gần gũi với mọi người, với nhân dân trong cuộc đời cách mạng cao đẹp của Đại tướng.

Vợ Đại tướng là bà Nguyễn Thị Cúc ở làng Phú Lễ (xã Quảng Phú, Thừa Thiên Huế). Với một vùng quê có truyền thống yêu nước và cách mạng như ở Phú Lễ, có điều kiện gặp gỡ, gần gũi với các nhân sĩ yêu nước như gia đình vợ - gia đình ông Ấm Hoàng nổi tiếng vùng Huế không chỉ ảnh hưởng lớn đến cuộc đời và đức hy sinh của người con gái cả Nguyễn Thị Cúc vì nghiệp lớn của chồng con sau này mà còn là tiền đề quan trọng để Nguyễn Chí Thanh dễ dàng tiếp cận với tư tưởng yêu nước và đi theo tiếng gọi của lý tưởng cách mạng của Đảng.

Chính dòng họ và gia đình nơi ông sinh ra là môi trường đầu tiên rèn luyện và hình thành nên những phẩm chất cao đẹp, tinh thần yêu nước thương nòi, ý chí đấu tranh giành độc lập cho dân tộc ở người thanh niên Nguyễn Vịnh - Nguyễn Chí Thanh.

Xuất thân trong một gia đình nông dân lam lũ, với những truyền thống tốt đẹp của người nông dân chăm lo làm ruộng đã khơi dậy tinh thần vượt khó, tận tụy hết lòng vì công việc chung và sẵn sàng hy sinh vì nghiệp lớn nơi Đại tướng.

¹ Bà Trần Thị Thiển (1886 - 1976), mẹ của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

1.2. Tuổi thơ sớm tham gia cách mạng của Đại tướng

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh xuất thân trong một gia đình trung nông, nhưng do gia đình rất đông con nên ông không có nhiều điều kiện để học hành. Cha mất sớm khi Đại tướng mới 14 tuổi (khoảng năm 1928). Lúc nhỏ ông học Sơ học yếu lược trong làng. Sau đó ông phải đi xa nhà đến học Tiểu học ở trường Tổng (làng Hạ Lang, École Primaire de Hạ Lang - có từ năm 1925), vì chỉ đến năm 1940 ở Niêm Phò mới có trường Tiểu học. Do nhà nghèo nên trước năm tốt nghiệp để nhận bằng Primaire, ông phải bỏ học ở trường Tiểu học này. Thời đó, việc học hết lớp Một (lớp Năm hiện nay) chuẩn bị thi lấy bằng Primaire thì không phải một thanh niên nông thôn nào cũng có thể được học.

Trong ngôi nhà bên sông Bồ do ông nội Nguyễn Phán xây dựng vào năm 1926 theo kiến trúc nhà rường đặc trưng của xứ Huế một gian hai chái, mái lợp bằng mây tranh, vách xây bằng gạch vồ², Đại tướng đã sống cuộc đời tuổi thơ trong ngôi nhà này. Đó là một cuộc đời sôi động với việc tập hợp lũ trẻ con đá bóng mỗi chiều hè, hướng dẫn trẻ chần trâu để trâu dầm dưới sông, trên bờ anh dạy bọn trẻ học bằng vỏ lá chuối lúc chiều xuống,...

Nghỉ học, Nguyễn Vịnh đã phải lao động cực nhọc để giúp đỡ gia đình. Năm 16 tuổi, ông đi làm tá điền cho gia đình ông xạ Giảng làng Niêm Phò. Tại đây, chàng thanh niên họ Nguyễn đã có một mối tình với người con gái của ông xạ (viên chức xã thời ấy). Cô gái tên là Trần Thị Bịu, cùng tuổi với Đại tướng. Gia đình cô chê anh nghèo, buộc cô phải lấy chồng khác³.

Lúc 20 tuổi (1934), chàng trai Nguyễn Vịnh vừa đi làm thuê vừa bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Hằng năm, sau khi cấy xong lúa vụ chiêm, thanh niên trong làng thường lên làm thuê cho một số nhà giàu ở Hiền Sĩ (xã Phong Sơn, Phong Điền). Đây cũng là năm mà Đại tướng gặp cô Nguyễn Thị Cúc tại làng Nam Dương. Lúc đó ông đã ấn tượng với cô gái có khuôn mặt trái xoan và đôi mắt đen thông minh; nhưng mãi đến năm 1946 (12 năm sau) họ mới thành hôn.

² Trải qua thời gian dài do chiến tranh và thiên tai tàn phá, ngôi nhà đã không còn nguyên vẹn, đến năm 1968 thì bị sụp đổ hoàn toàn. Năm 1978, huyện Hương Điền đã đầu tư khôi phục lại ngôi nhà gần giống ngôi nhà năm 1926 và trở thành nhà lưu niệm của Đại tướng. Khu di tích lưu niệm gồm: nhà thờ xây dựng năm 1990 (2.000m²), nhà bia tưởng niệm hoàn thành năm 1999, nhà trưng bày được hoàn thành năm 2002, nhân kỷ niệm 88 năm ngày sinh của Đại tướng (01/01/1914 – 01/01/2002); được xếp hạng di tích quốc gia vào năm 2009.

³ Chính Đại tướng có viết 4 câu thơ nói về chuyện này: “Thời buổi này phong ba bão chướng/Biển bừa ni sóng lượn ba đào/Bởi vì thiếp tham nơi cửa lớn nhà cao/Bỏ tấm thân chàng ni chìm mai nổi”. Sau đó, bà Bịu trở thành vợ của một đồng chí tên là Nguyễn Đảm. Ông này mất năm 1947.

Nguyễn Vịnh cùng với một người bạn là Phạm Oanh⁴ đi làm thuê ở đồn điền chè ở Cổ Bi (xã Phong Sơn) với tiền công nhật là 15 xu nhưng chủ đồn điền không trang bị cuộc xéng. Nguyễn Vịnh đã vận động nhân công đình công buộc chủ phải nhượng bộ. Câu chuyện này nói lên tinh thần bênh vực và đấu tranh đòi quyền lợi chính đáng cho những người nghèo khổ của Nguyễn Vịnh.

Mến phục những người yêu nước như cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Vịnh đã rủ Phạm Oanh lên Huế tìm cụ Phan Bội Châu. Tại nhà cụ Phan, Nguyễn Vịnh và Phạm Oanh đã gặp Phan Đăng Lưu, rồi Nguyễn Chí Diểu [1, tr.44-45]. Những lời giải thích của “anh Lưu, anh Diểu” về tình hình thế giới và trong nước, về mục đích cách mạng đã giúp cho Nguyễn Vịnh sáng tỏ nhiều băn khoăn; đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong tư tưởng của ông. Từ những cuộc gặp gỡ này, người thanh niên nông dân giàu nhiệt huyết Nguyễn Vịnh đã giác ngộ và đến với cách mạng như một lẽ tự nhiên.

Năm 1934, ông tham gia cách mạng trong phong trào Mặt trận Bình dân. Giữa những năm 30, Nguyễn Vịnh được giao phụ trách vận động phong trào đón Gôđart ở quê hương, phát hành báo *Nhàn lúa*, tuyên truyền cho phong trào đòi dân sinh, dân chủ... Với những hoạt động đó, Nguyễn Vịnh đã dần dần nhận thức một cách khá đầy đủ về chủ trương, mục đích của cách mạng và xác định “dấn thân” vào con đường đó. Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 7-1937.

1.3. Sự nghiệp cách mạng của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh

Tháng 11-1937, Nguyễn Vịnh được cử làm Bí thư chi bộ Niêm Phò, tổ chức Đảng đầu tiên ở Quảng Điền. Cuối năm 1937, mới 23 tuổi, xứ ủy Trung kỳ giới thiệu Nguyễn Vịnh tham gia Tỉnh ủy và được cử đi học tại Đà Nẵng, mở đầu một thời kỳ mới trong hoạt động cách mạng sôi động và vẻ vang của ông. Từ năm 1938 đến năm 1943, ông nhiều lần bị Pháp bắt giam ở nhà lao Huế, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột. Đến khi Nhật đảo chính Pháp (09-3-1945) thì ông được ra tù.

Sau khi ra tù và trở lại hoạt động, ông được bầu làm Bí thư Khu ủy khu IV và được cử đi dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào (tháng 8/1945). Tại đây, ông được đặt bí danh là *Nguyễn Chí Thanh*, được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng và được chỉ định làm Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ có nhiệm vụ theo dõi và tổ chức giành chính quyền tại Trung Kỳ trong Cách mạng tháng Tám.

Bước vào ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, tại chiến trường miền Trung ác liệt, nhất là trận tuyến Bình - Trị - Thiên khói lửa, với cương vị Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ kiêm phụ trách Lào (1945 - 1946), Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên và Bí thư Phân khu ủy

⁴ Phạm Oanh quê ở làng Hiền Sĩ, xã Phong Sơn. Không chỉ là bạn, ông Phạm Oanh còn là người dìu dắt, 1 trong 2 người giới thiệu Đại tướng vào Đảng.

Bình - Trị - Thiên (1947 - 1948), Bí thư Liên khu ủy 4 (1948 - 1950), đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã đứng mũi chịu sào cùng tập thể cấp ủy lãnh đạo phong trào kháng chiến của nhân dân vượt qua những khó khăn to lớn, giành những thắng lợi rất quan trọng. Từ năm 1946 đến 1948, ông làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, Bí thư Phân Khu ủy Bình - Trị - Thiên. Từ năm 1948 đến 1950, ông làm Bí thư Liên khu ủy 4.

Đặc biệt, trong thời điểm hiểm nghèo của nhân dân Bình - Trị - Thiên đầu năm 1947, ông đã chỉ đạo quân và dân địa phương tìm ra con đường đánh giặc trên quê hương: phát triển chiến tranh du kích, bám đất, bám dân, dựa vào dân, luồn vào sau lưng địch mà chiến đấu, nhằm những sơ hở của địch mà đánh, không cho chúng ăn ngon, ngủ yên, lấy súng địch đánh địch và xây dựng lực lượng kháng chiến... Với những nỗ lực vượt bậc, chỉ trong một thời gian ngắn, quân và dân Bình - Trị - Thiên đã chiến đấu, khôi phục và phát triển phong trào kháng chiến ở ba tỉnh, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ [9, tr. 753].

Ở Thừa Thiên, một số nơi trong tỉnh bị địch đánh, mất cơ sở đồng bằng, đẩy cơ quan và cán bộ lên núi. Nhân dân lo lắng, dao động, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã kêu gọi anh em vượt khó khăn nguy hiểm, len lỏi vào vùng sau lưng địch, bám sát dân, xây dựng lại cơ sở không để mất dân, mất đất. Dưới sự chủ trì của Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Chí Thanh, hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh họp tại làng Nam Dương (3-1947) đã ra nghị quyết đẩy mạnh kháng chiến, lấy tiếng súng đem lại tin tưởng cho đồng bào. Với tầm nhìn chiến lược, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã có những nhận định sắc sảo trở thành tư tưởng chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Thừa Thiên - Huế và cả Bình - Trị - Thiên: “Mất đất chưa phải là mất nước. Chúng ta cần phải tranh thủ từng thôn, từng người dân. Chúng ta không để mất dân, chết không rời cơ sở. Chúng ta nhất định thắng” [7, tr. 788]. Với quan điểm, tư tưởng vững vàng, trước thử thách lịch sử, Nguyễn Chí Thanh rất bình tĩnh, tìm cách đối phó với địch, xây dựng phong trào, kiên cường dũng cảm, gương mẫu trong chiến đấu, công tác. Sự phát triển của phong trào kháng chiến ở Bình - Trị - Thiên, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông, có ý nghĩa rất quan trọng, cùng quân dân cả nước đánh bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của quân đội viễn chinh Pháp.

Cuối năm 1950, ông được bổ nhiệm giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, được cử vào Bộ Chính trị năm 1951. Năm 1959, ông được phong quân hàm *Đại tướng*. Năm 1960, ông được cử vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Năm 1961, được giao nhiệm vụ Phụ trách Ban Nông nghiệp của Đảng, giúp ổn định tình hình phát triển trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của miền Bắc. Trong hoàn cảnh chiến tranh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng điều ông trở lại quân đội. Nguyễn Chí Thanh còn là Ủy viên Hội đồng Quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ năm 1965 đến năm 1967, ông được phân công vào miền Nam, giữ chức Bí thư Trung ương Cục miền Nam, kiêm Chính ủy Quân Giải phóng miền Nam. Gần 3 năm đảm trách nhiệm vụ Bí thư Trung ương Cục, trong đó hơn 2 năm trực tiếp hoạt động trên chiến trường miền Nam, là thời gian tài năng lãnh đạo, mưu lược chỉ huy, năng lực phán đoán và xác định những vấn đề ở tầm chiến lược của đồng chí Nguyễn Chí Thanh phát triển đến mức độ rất cao, đóng góp rất quan trọng vào việc đánh bại “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Khi Mỹ đổ quân viễn chinh vào miền Nam, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã có công lớn trong việc xác định sự thay đổi chiến lược của Mỹ từ “chiến tranh đặc biệt” sang “chiến tranh cục bộ”. Phát hiện đó cùng những phân tích đầy tính thuyết phục về thực chất sức mạnh Mỹ, tương quan lực lượng giữa ta và địch, về quyết tâm đánh Mỹ và niềm tin thắng Mỹ là cơ sở quan trọng để Trung ương Đảng xác định đúng bước chuyển chiến lược, xác định quyết sách đánh Mỹ với tư tưởng chủ động tấn công. Từ thực tế đánh Mỹ sáng tạo của quân dân miền Nam, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã đúc kết thành phương châm: “Nắm thắt lưng Mỹ mà đánh”, “Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt”, lập “Vành đai diệt Mỹ”. Theo phương châm đó, quân và dân miền Nam đã lần lượt đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 của gần 1 triệu quân Mỹ, quân đội Sài Gòn cùng quân các nước phụ thuộc Mỹ, đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta phát triển [3, tr.81].

Là người trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến trên tiền tuyến lớn, Đại tướng đã kịp thời tổng kết những thành công và đúc rút kinh nghiệm thắng lợi trong đánh Mỹ, nhận định tình hình và chiều hướng phát triển của cuộc kháng chiến ở miền Nam. Những đánh giá của ông đã góp phần để Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương nhận định đúng thất bại của Mỹ, chủ trương tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, đánh bại ý chí xâm lược của Mỹ, tạo bước ngoặt của cuộc kháng chiến. Ông mất ngày 06/7/1967 tại Hà Nội do một cơn nhồi máu cơ tim khi ra Hà Nội để báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình hình miền Nam.

Có thể nói, với hơn 30 năm hoạt động cách mạng không mệt mỏi, Đại tướng đã có những cống hiến và đóng góp rất to lớn vào những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trên hành trình đấu tranh giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Ông là hình ảnh tiêu biểu, tấm gương mẫu mực của một chiến sĩ cách mạng: nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

2. ĐÓNG GÓP CỦA ĐẠI TƯỚNG NGUYỄN CHÍ THANH TRÊN LĨNH VỰC QUÂN SỰ

2.1. Đại tướng có công lao to lớn trong việc xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị

Trong những tháng năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, phong trào cách mạng ở miền Trung gặp vô vàn khó khăn, thử thách. Quân Pháp chiếm được nhiều vùng dân cư; quân ta thiếu vũ khí, lương thực, thiếu căn cứ địa, lực lượng vũ trang còn non trẻ. Trước tình trạng khó khăn chồng chất, thiếu thốn mọi bề, trong hàng ngũ ta đã có một số người rơi vào trạng thái bi quan, bần khoản, lo lắng...

Trên cương vị Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, Bí thư Phân khu ủy Bình - Trị - Thiên, Bí thư Liên Khu ủy Khu 4, ông đã kịp thời định hướng tư tưởng và chỉ đạo quân, dân miền Trung kiên quyết bám đất, bám làng xây dựng cơ sở cách mạng, đẩy mạnh phát triển chiến tranh du kích trong vùng địch kiểm soát. Ông khẳng định: *mất đất nhưng chưa mất nước, có lòng tin, có dân là có tất cả*. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ông, việc xây dựng tổ chức đảng, giành lại chỗ đứng chân, phát triển các đội du kích, các đơn vị bộ đội địa phương đã được triển khai nhanh chóng, rộng khắp trên địa bàn ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên. Đồng thời nhiều tổ du kích bí mật trong các khu đô thị ở Huế, Đồng Hới, Quảng Trị đang bị địch chiếm đóng cũng được thành lập và đẩy mạnh tiến công, quấy rối, gây cho chúng nhiều tổn thất. Trong một thời gian ngắn, sự kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, lấy lại cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang với tổ chức tiến công địch, ta đã làm xoay chuyển, đảo ngược được tình thế theo hướng có lợi cho cách mạng. Từ trạng thái “vỡ trận”, các cơ sở đường như bị mất trắng, lực lượng cách mạng đã đứng vững ở các vùng nông thôn ba tỉnh nói trên. Với tài năng chỉ đạo xây dựng, tổ chức và sử dụng lực lượng, đẩy mạnh chiến tranh du kích trên địa bàn ba tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên trong thời kỳ đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ông đã được quân và dân ba tỉnh ghi nhận là “linh hồn” của cuộc chiến đấu khốc liệt ở “Mặt trận Bình - Trị - Thiên khói lửa”.

Đánh giá về công lao của Nguyễn Chí Thanh trong xây dựng quân đội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: “Anh Thanh đã có công lớn trong xây dựng quân đội về chính trị, tư tưởng, xây dựng hệ thống tổ chức đảng, tổ chức công tác chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với quân đội. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của anh, công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội đã có bước phát triển mới về cả nội dung và hình thức, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta” [10, tr. 39].

2.2. Đóng góp vào sự phát triển đường lối quân sự

Không chỉ có những đóng góp to lớn về tăng cường bản chất cách mạng, bản lĩnh chính trị cho quân đội, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh còn góp phần quan trọng trong phát triển đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi nhận nhiệm vụ Bí thư Trung ương Cục, ông đã tập trung xây dựng những quả đấm chủ lực Miền. Ông khẳng định: “Phải có quả đấm chủ lực mạnh mới mong nắm chắc phần thắng trong tay”. Từ thực tế chiến đấu của quân và dân miền Nam, ông đã tổng kết thành những luận điểm quân sự: trong chiến tranh, phải giữ vững và phát triển thế tấn công liên tục, nắm chắc và mở rộng quyền chủ động trên chiến trường, buộc quân địch phải đánh theo ý muốn của ta; nắm vững và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tiêu diệt địch với giữ vững và phát triển quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh việc kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận; không ngừng nâng cao hiệu suất chiến đấu, hiệu quả chiến dịch và hiệu lực chiến lược của cách đánh độc đáo của chiến tranh nhân dân... Cũng từ thực tế chiến trường, ông đã đúc kết thành tư tưởng quân sự, phương châm chỉ đạo trong cách đánh, tổ chức chiến dịch và thực hành chiến thuật thật dễ hiểu, dễ nhớ song mang tầm cao của trí tuệ: Nắm thắt lưng địch mà đánh. Những quan điểm và phương châm chỉ đạo đó của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh không chỉ đóng vai trò quan trọng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn có ý nghĩa trong phát triển lý luận nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Có thể thấy ông là người có công lớn trong việc cụ thể hóa và phát triển đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ với phương châm: đánh địch cả “hai chân, ba mũi”, xây dựng bộ đội chủ lực, tạo ra những “quả đấm mạnh” giáng vào quân viễn chinh Mỹ, đặc biệt trong các chiến dịch mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967. Ông có công lao phát triển và làm sinh động đường lối, quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng đế quốc Mỹ. Ông là người sớm đặt vấn đề xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam chính quy, hiện đại, toàn diện ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đại tướng là người góp phần xác định đúng đắn bước chuyển biến từ chiến lược “chiến tranh đặc biệt” sang “chiến tranh cục bộ”, chủ động cho việc chuẩn bị đánh thắng quân Mỹ khi Mỹ đổ quân vào miền Nam [3, tr. 263].

2.3. Đóng góp vào sự phát triển nghệ thuật quân sự

Đại tướng đã đề xuất nghệ thuật chủ động “bám thắt lưng địch mà đánh”, “tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt”, đánh địch khi địch vừa đến xâm lược nước ta; vừa đánh vừa tìm ra phương châm đánh Mỹ; sáng tạo và vận dụng nhiều hình thức chiến thuật lợi hại, phong phú để đánh Mỹ, diệt ngụy.

Ông đã bám sát thực tiễn chiến trường, bám dân, bám đất để dự báo tình hình, phát hiện sớm những vấn đề cơ bản, những điểm mạnh, yếu của địch; chọn hướng tấn công chính xác và cách tấn công linh hoạt, sáng tạo, nhằm đúng đối tượng, kết hợp đấu

tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận. Ông có tư tưởng kiên quyết, chủ động, liên tục tấn công, chủ động đánh trước địch, làm cho địch lâm vào thế bị động, thế đối phó.

Ông đã làm sinh động nghệ thuật nắm thời cơ để lập thế đánh địch. Kết hợp chặt chẽ các phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân, đánh giao thông, đánh ở vành đai diệt Mỹ, đánh ở hậu cứ và đánh tập trung, làm cho địch bị động, đối phó khắp nơi. Kết hợp chặt chẽ lực lượng vũ trang ba thứ quân; giữa chiến tranh du kích và tác chiến chính quy, khéo hình thành thế mạnh và sức mạnh hơn địch để đánh thắng địch ở những lúc và những nơi cần thiết [3, tr. 265-269].

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh một vị tướng tài giỏi có phong cách lãnh đạo, chỉ huy mẫu mực. Ông vừa đi sát cơ sở, vừa đòi hỏi cấp dưới phải độc lập suy nghĩ, phải chủ động trong công việc. Đại tướng vừa bao quát ở tầm chiến lược vừa cụ thể, chi tiết. Về chiến lược, ông cho rằng Mỹ vào miền Nam trong thế thua, thế bị động nên không làm thay đổi căn bản tương quan sức mạnh. Như vậy, nếu so sánh tương quan lực lượng tổng thể cả hai yếu tố “thế và lực” thì giữa ta và Mỹ không thay đổi căn bản. Về chiến dịch, chiến thuật, khi có người hỏi về phương châm tác chiến, ông nói: *chúng ta có đánh Mỹ bao giờ mà đã có phương châm, phương châm là nó vào ta phải đánh ngay rồi sẽ tìm ra cách đánh... Phương châm nằm ở ngoài chiến trường ấy... Cách nghĩ và cách nói của ông rất giản dị, dễ hiểu nhưng lại rất độc đáo, biện chứng, phản ánh rất đúng thực chất của tình thế, vì vậy mà có tính thuyết phục rất cao. Chiến khu Hòa Mỹ đã ghi dấu tài trí, bản lĩnh, uy tín của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, Bí thư Phân khu ủy Bình - Trị - Thiên.*

2.4. Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên chiến trường miền Nam

Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam có các nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3 - 1965) và lần thứ 12 (12 - 1965), trên chiến trường, có người đề xuất chủ trương “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu”, trước mắt nên “di chuyển căn cứ và Sở Chỉ huy Miền tới nơi an toàn hơn”, thực hiện “tiến công quân nguy ở chiến trường rừng núi để kéo quân Mỹ ra xa mà đánh”. Đại tướng đã kiên quyết bác bỏ hai chủ trương đó: các chiến dịch Bình Giã, Ba Gia đều chứng minh ta có khả năng diệt gọn từng tiểu đoàn, chiến đoàn của địch do cố vấn Mỹ chỉ huy. Dù địch chủ quan cho rằng có thể dựa vào ưu thế về trang bị kỹ thuật “tìm diệt” chủ lực ta trong thời gian ngắn nhưng quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam trong thế thua, để cứu vớt quân nguy trên một chiến trường xa lạ nên không thể làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch.

Ta vẫn kiên quyết giữ vững thế tiến công. Trong tình hình này, nếu ta di chuyển căn cứ thì Tướng Mỹ W. Westmoreland sẽ không ngần ngại cho quân đánh thẳng vào căn cứ đang di chuyển, gây cho ta tai họa lớn, còn đánh trên rừng núi xa thì có “đưa võng mời” quân Mỹ cũng chẳng lên. Quân Mỹ ý vào vũ khí trang bị hiện đại, nếu ta đánh thẳng vào những nơi địch hành quân, trú quân, bám thắt lưng địch mà

đánh thì phi pháo, xe tăng cũng mất tác dụng... Từ đó, có thể thấy 2 điều: Một là khi quân Mỹ ồ ạt vào miền Nam, tính chất ác liệt của chiến tranh tăng lên nhiều, gây cho ta những khó khăn lớn, nhưng so sánh lực lượng địch ta căn bản không thay đổi. Vì thế ta vẫn giữ gìn và phát huy chiến lược tấn công của chiến tranh cách mạng miền Nam; hai là ta *tiếp tục tấn công và phản công*, kết hợp đấu tranh quân sự và chính trị, nhưng *đấu tranh quân sự ngày càng có tác dụng quyết định trực tiếp* [2, tr. 65].

Song song với xây dựng lực lượng, tạo thế trên chiến trường, Đại tướng đặc biệt quan tâm đến cách đánh quân Mỹ, coi đó là điều có ý nghĩa then chốt nhất để đánh thắng địch trên chiến trường. Bám sát thực tiễn, sống trong lòng dân, kiên cường, dũng cảm chiến đấu, Đại tướng đã phát huy sự sáng tạo của toàn thể cán bộ, chiến sĩ, quân và dân ta để đề ra cách đánh sáng tạo: “*Nắm thắt lưng địch mà đánh*” (đánh gần), qua đó, tổng kết kinh nghiệm, nâng lên thành phương châm chỉ đạo tác chiến trên chiến trường miền Nam. Nhờ đó, quân và dân ta đã hạn chế tối đa sức mạnh vũ khí tối tân, phương tiện chiến tranh hiện đại, lối đánh dựa vào công hiệu của vũ khí, hỏa lực, buộc quân Mỹ, quân đội Sài Gòn phải rơi vào thế bị động đối phó, phải đánh theo cách đánh mà địch không có sở trường. Phương châm chỉ đạo đánh gần: “*Nắm thắt lưng địch mà đánh*” đã nhanh chóng trở thành khẩu hiệu hành động cách mạng nổi tiếng trên chiến trường miền Nam, là điểm khởi đầu để dấy lên phong trào: “*Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt*”, lập các “*Vành đai diệt Mỹ*”. Phương châm đó đã góp phần đặc biệt quan trọng đưa đến những thắng lợi vang dội trên chiến trường miền Nam, như: chiến thắng Núi Thành, Vạn Tường, Bàu Bàng, Nhà Đỏ - Bông Trang, Plây Me, thung lũng Ia Đrăng và sau đó, quân dân ta đã đánh bại hai cuộc phản công chiến lược của quân Mỹ vào mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967...

Trong thời gian 2 năm, kể từ khi Đại tướng vào chiến trường, thế và lực của ta ở miền Nam đã thay đổi theo hướng có lợi cho ta. Quân và dân ta đã giành được thế chủ động trên chiến trường, đã tiến công theo cách đánh của chiến tranh nhân dân Việt Nam. Từ thực tế chiến trường, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã đúc rút *Năm bài học phản công chiến lược mùa khô* để phổ biến cho quân và dân ta. Lúc bấy giờ, bài viết của Đại tướng là một tác phẩm có giá trị lý luận, thực tiễn sâu sắc, đã đúc kết kinh nghiệm chiến trường, chỉ ra những vấn đề có tính nguyên tắc trong đánh Mỹ. Tác phẩm đó đã nhanh chóng được phổ biến rộng rãi, trở thành vũ khí tư tưởng sắc bén [3, tr.98].

2.5. Một tướng lĩnh lừng danh trên chiến trường đánh Mỹ

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ở vào thời điểm bước ngoặt từ năm 1964, quân dân ta phải đối mặt với những đội quân nhà nghề được trang bị vũ khí tối tân, hiện đại. Điều đó đã tác động không nhỏ đến trạng thái tinh thần, sự bản khoăn của không ít cán bộ, chiến sĩ ta và sự lo lắng của bạn bè quốc tế [3, tr. 96]

Cuối năm 1964, Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định điều động Đại tướng Nguyễn Chí Thanh vào chiến trường miền Nam, giữ cương vị Bí thư Trung ương Cục, Chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Trên cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị, một trong hai tướng lĩnh cao nhất của quân đội ta trực tiếp chỉ đạo chiến trường miền Nam, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh ý thức sâu sắc trọng trách mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ủy thác.

Cuộc đọ sức giữa quân và dân ta với Mỹ, và tay sai trên chiến trường miền Nam diễn ra trong điều kiện có nhiều điểm khác biệt so với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây. Với nhãn quan chiến lược sâu sắc, lăn lộn, sâu sát với thực tiễn chiến trường, chỉ trong một thời gian ngắn, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã nắm chắc tình hình, đánh giá chính xác tương quan địch - ta, thấy rõ điểm mạnh và những điểm yếu chí mạng của địch, nhất là về cách đánh của quân Mỹ, cũng như trạng thái tâm lý, tinh thần của tướng tá, binh lính quân đội Sài Gòn. Đây là điểm mấu chốt, là cơ sở để Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cùng Trung ương Cục miền Nam kịp thời đề xuất các phương án, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân ta đánh thắng kẻ thù xâm lược. Với tư tưởng: “Dám đánh Mỹ ta sẽ tìm ra cách đánh Mỹ và nhất định thắng Mỹ”, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã cùng Trung ương Cục miền Nam trực tiếp chỉ đạo chiến trường miền Nam; tập trung xây dựng lực lượng chính trị, quân sự, tạo lập thế đứng vững chắc ở cả ba vùng chiến lược, mở các mặt trận ở những địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng, tiến hành đồng thời ba mũi giáp công.

Kỷ niệm 30 năm ngày mất Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã viết: Nguyễn Chí Thanh là “một danh tướng, một nhà chính trị và nhà quân sự lỗi lạc”; Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng viết: “Nhớ tới anh Thanh, tôi tưởng nhớ và vô cùng thương tiếc một người bạn chiến đấu thân thiết, một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng, một tướng lĩnh tài ba của quân đội ta, người đã có những cống hiến quan trọng vào sự nghiệp vẻ vang của Đảng, của dân tộc Việt Nam ta” [3, tr.100].

Tóm lại, có thể thấy trong lịch sử Việt Nam hiện đại, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là nhà hoạt động chính trị tài năng, nhà lãnh đạo, chỉ huy lỗi lạc của Đảng, quân đội và nhân dân Việt Nam. Quê hương Thừa Thiên Huế là nơi ông sinh ra, lớn lên và trưởng thành, mảnh đất đã nuôi dưỡng ông trong những ngày đầu tham gia cách mạng, lại được tôi luyện trong thử thách của những năm tháng tù đầy nghiệt ngã. Trong gian khổ, nguy hiểm của những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, phẩm chất và tài năng của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh ngày càng tỏa sáng, chứng tỏ tư chất một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng. Với vai trò người lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên trong thời điểm hết sức khó khăn của lịch sử, ông có vai trò quan trọng trong việc lựa chọn và xây dựng Hòa Mỹ thành chiến khu, nơi đứng chân

của lực lượng cách mạng, làm bàn đạp để tiến về đồng bằng, thành phố, khôi phục và phát triển phong trào kháng chiến.

Thực tiễn chỉ đạo đánh Mỹ của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh và các đồng chí trong Trung ương Cục miền Nam đã trở thành cơ sở thực tiễn và lý luận quan trọng, góp phần cùng Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đề ra những quyết sách đúng đắn, sáng tạo để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến ngày toàn thắng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- [1]. Hoàng Anh (1990). *Quê hương và cách mạng*, (hồi ký), Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2]. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995). *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước – Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. Bộ Quốc phòng - Ban Tuyên giáo Trung ương - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh - Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế (2013). *Đồng chí Nguyễn Chí Thanh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Đảng bộ huyện Quảng Điền (2016). *Lịch sử Đảng bộ huyện Quảng Điền (1930-2005)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. *Gia phả họ Nguyễn Công*, bản thảo viết tay do ông Nguyễn Trung Chính, 84 tuổi, hiện ở tại 60, Hùng Vương - Huế, gọi Đại tướng bằng anh con bác cung cấp.
- [6]. *Gia phả họ Trần*, bản thảo viết tay do ông Trần Hai, Trần Chũ và Trần Thị Triều ở làng Niêm Phò, Quảng Thọ, Quảng Điền cung cấp.
- [7]. Mai Văn Giang (1984). *Một số làng ở xã Quảng Thọ, huyện Hương Điền thời phong kiến*, Khóa luận Tốt nghiệp, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Huế.
- [8]. Ngô Kha (2011). “Nguyễn Chí Thanh với các bước ngoặt cách mạng tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Nhà lãnh đạo lỗi lạc, một danh tướng thời đại Hồ Chí Minh*, Hồi ký, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [9]. Trần Công Tấn (2011). *Đôi bạn ven sông Bồ, tuổi trẻ cách mạng của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh và nhà thơ Tố Hữu*, Nxb Thanh Niên, Kim Đồng, Trẻ.
- [10]. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2004). *Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Nhà chính trị, quân sự lỗi lạc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [11]. Nguyễn Đắc Xuân (2011). “Về thăm quê vợ ông Nguyễn Sinh Khiêm làng Phú Lễ”, *Nghiên cứu về triều Nguyễn và Huế xưa*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.536-542.

THE PROCESS OF JOINING THE REVOLUTION AND THE CONTRIBUTIONS IN THE MILITARY OF GENERAL NGUYEN CHI THANH (1914 - 1967)

Nguyen Van Dang, Pham Ngoc Bao Liem

University of Sciences, Hue University

Email: nvdang2101@gmail.com, pnbliem@gmail.com

ABSTRACT

Born in a peasant family, in a famous family in a village on the outskirts of Hue, which has a tradition of being studious and academic; tradition of industriousness and creativity in production contributed to the formation of the young men Nguyen Vinh - Nguyen Chi Thanh's strong will, bravery, and revolutionary thought. He joined the revolution when he was 20 years old and was admitted to the Communist Party of Vietnam in July 1937 (at the age of 23). As a leader on the Central battlefield, he swiftly oriented ideology and directed the army and people to steadfastly adhere to the ground, cling to the village to construct revolutionary bases, and promote and develop guerrilla warfare. He stated that losing land but not the nation, having faith, and having people was equivalent to having everything. In the military field, General Nguyen Chi Thanh made significant contributions to building a strong political army, developing military art, constructing a people's war posture, and resolutely maintaining the people's war posture, as well as building forces, fighting "closely," and becoming a famous general on the battlefield during the period of 1954-1975, when he fought the United States.

Keywords: General Nguyen Chi Thanh, military field, Vietnamese revolution



Nguyễn Văn Đăng sinh ngày 20/10/1962 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Lịch sử tại trường Đại học Khoa học, ĐH Huế năm 1989; nhận học vị Tiến sĩ năm 2002 tại Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội. Ông công tác tại Khoa Lịch sử Trường ĐH Khoa học, Đại học Huế từ năm 1989.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử Việt Nam, lịch sử thủ công nghiệp Việt Nam, Lịch sử làng xã, văn hóa miền Trung, Gia phả học.



Phạm Ngọc Bảo Liêm sinh ngày 05/6/1982 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân ngành Lịch sử năm 2005; thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử năm 2009 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Ông nhận học vị tiến sĩ năm 2020 tại Đại học Huế. Hiện nay, ông công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: lịch sử Việt Nam hiện đại, lịch sử giáo dục, lí luận sử học.